

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ISO 9001:2015

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số:-2021/HĐ/XDTG

CÔNG TRÌNH:

HẠNG MỤC: XÂY DỰNG TRỌN GÓI

ĐỊA ĐIỂM:

GIỮA

.....

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚC KHANG

NĂM 2021

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH 11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;

II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Hôm nay ngày tháng ... năm 2021. Tại văn phòng Công ty Cổ Phần Phát Triển Phúc Khang, số 140/1 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có các bên dưới đây:

BÊN A (BÊN GIAO THẦU)

- o Chủ đầu tư:
- o Đại diện: Chức vụ:
- o Địa chỉ:
- o Điện thoại:

BÊN B (BÊN NHẬN THẦU)

- o Tên đơn vị: **Công ty Cổ Phần Phát Triển Phúc Khang**
- o Đại diện: Ông **ĐÀM KIẾN THỊNH** Chức vụ: **Giám Đốc**
- o Địa chỉ: Số 140/1 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

○ Điện thoại: 028 3848 2575

Fax: 028 3848 4171

○ Số tài khoản: 176 938 359 tại Ngân hàng ACB – CN Phan Đình Phùng – Tp.HCM

○ Mã Số thuế: 0312 699 880

Sau khi bàn bạc thảo luận hai bên đồng ý ký hợp đồng xây dựng với những nội dung và điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

- 1.1** Nội dung công việc: Bên A giao cho Bên B thi công xây dựng mới công trình “nhà ở riêng lẻ”.
- 1.2** Sản phẩm của hợp đồng: Thi công xây dựng mới công trình “nhà ở riêng lẻ” hoàn tất theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ dự toán được duyệt và được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành, sau đây gọi tắt là công trình.
- 1.3** Địa điểm xây dựng:
- 1.4** Các văn bản tài liệu có liên quan:
- Hồ sơ thiết kế
 - Dự toán được duyệt
 - Bảng tiến độ xây dựng
 - Các văn bản có liên quan

ĐIỀU 2. CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

- 2.1.** Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đạt yêu cầu về kỹ thuật. Áp dụng đúng các tiêu chuẩn xây dựng đã được quy định trong hồ sơ thiết kế, áp dụng đúng theo Luật Xây dựng, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính Phủ về quản lý và bảo trì chất lượng công trình.
- 2.2.** Các loại vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng cho từng bộ phận công việc của công trình phải đáp ứng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật.
- 2.3.** Bên B cam kết sẽ sử dụng đúng chủng loại vật liệu. Ngoại trừ trường hợp cụ thể có sự khác biệt so với hồ sơ thiết kế của Bên B nhưng phải được Bên A chấp thuận.
- 2.4.** Đối với công việc không đạt chất lượng theo yêu cầu của thiết kế và tiêu chuẩn xây dựng, Bên B phải có nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục, thay thế hoàn tất đảm bảo đúng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.
- 2.5.** Bên A và tư vấn giám sát thi công của Bên A sẽ được quyền đến công trường kiểm tra công trình, chất lượng vật liệu và bán thành phẩm xây dựng, kiểm tra chất lượng công việc xây dựng, giám sát quá trình thi công theo quy định hiện hành của Nhà nước, Bên B phải tạo điều kiện thuận tiện và giúp đỡ để có thể tiến hành các công việc đó.
- 2.6.** Bên A có quyền bác bỏ hoặc yêu cầu Bên B tạm ngưng việc sử dụng các nguyên vật liệu, thiết bị thi công của Bên B nếu xác định chủng loại nguyên vật liệu, công việc thi công bị sai sót, không phù hợp với yêu cầu của công trình, không đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ thiết kế. Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí thay thế các phần sai sót.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- 3.1.** Thời gian thực hiện hợp đồng là: ngày tính từ ngày khởi công (thi công phần theo xin phép xây dựng).
- 3.2.** Thời gian khởi công: Bên B khởi công công trình ngay sau khi nhận mặt bằng.
- 3.3.** Thời gian thực hiện hợp đồng được gia hạn trong các trường hợp sau:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: Ảnh hưởng của mưa, bão, động đất, lũ lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.
- Sự chậm trễ trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A hay các nhà thầu khác của Bên A gây ra như: Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

- 4.1.** Việc nghiệm thu, bàn giao công trình được tiến hành theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/2013 và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- 4.2.** Bên A tiến hành nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng và hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận bị che khuất phải được nghiệm thu trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.
- 4.3.** Bên B chuẩn bị các điều kiện cần thiết, thông báo trước cho Bên A và các cơ quan quản lý Nhà nước (nếu cần) ít nhất là 1 ngày để thực hiện công tác nghiệm thu.

ĐIỀU 5. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

- 5.1.** Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị, vật tư hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình không vận hành sử dụng không bình thường do lỗi Bên B gây ra.
- 5.2.** Bên B bảo hành phần kết cấu (phần khung bê tông cốt thép) công trình thời gian là 10 (mười) năm kể từ ngày Bên A ký biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.
- 5.3.** Thời gian bảo hành phần vật liệu hoàn thiện tùy thuộc vào từng gói hoàn thiện mà Bên B chọn. Từng loại vật liệu hoàn thiện sẽ có thời gian bảo hành khác nhau, sẽ có biên bản bàn giao kèm theo chi tiết bảo hành từng hạng mục theo nhà sản xuất. Bên B có trách nhiệm liên hệ nhà sản xuất để bảo hành cho Bên A trên những hạng mục Bên B được giao.
- 5.4.** Mức tiền bảo hành công trình tối đa là 2% giá trị hợp đồng trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình. Sau khi hết thời hạn trên Bên A thanh toán cho Bên B tiền bảo hành công trình. Sau khi nhận thanh toán tiền bảo hành, Bên B vẫn thực hiện bảo hành công trình theo đúng cam kết tại điều 5.2 và 5.3 của hợp đồng.

ĐIỀU 6. HÌNH THỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 6.1.** Hình thức thực hiện hợp đồng: xây dựng trọn gói.
- 6.2.** Tổng giá trị hợp đồng: (chưa bao gồm 10% VAT)
(Bằng chữ:)

ĐIỀU 7. PHƯƠNG THỨC VÀ HỒ SƠ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

- 7.1. Phương thức thanh toán:** Bên A sẽ thanh toán cho Bên B từng đợt tính theo khối lượng nghiệm thu cụ thể như sau:

- Đợt 1:** Ngay khi ký hợp đồng Bên A đặt cọc cho Bên B **5% giá trị của hợp đồng** tương ứng(Bằng chữ:)
- Đợt 2:** Sau khi Bên B tập kết vật liệu và công nhân đến triển khai công việc trong vòng 3 ngày Bên A tạm ứng cho Bên B **10% giá trị của hợp đồng** tương ứng
(Bằng chữ:)

- Đợt 3:** Sau khi Bên B thi công đổ móng, vách tầng hầm (nếu có), trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **10% giá trị của hợp đồng** tương ứng(Bằng chữ:)
- Đợt 4:** Sau khi Bên B thi công đổ mái tầng 1, tầng 2, tầng 3 cho Bên A, trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **10% giá trị của hợp đồng** tương ứng(Bằng chữ:)
- Đợt 5:** Sau khi Bên B thi công đổ mái tầng 4, tầng 5 cho Bên A, trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **10% giá trị của hợp đồng** tương ứng(Bằng chữ:)
- Đợt 6:** Sau khi Bên B thi công hoàn thành phần đổ bê tông mái tầng tum, xây tường bao quanh, tường ngăn trong nhà và đồ cầu thang bộ. Trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **20% giá trị của hợp đồng** tương đương.....(Bằng chữ:)
- Đợt 7:** Sau khi Bên B thi công hoàn thành phần trát ngoài, xử lý chống thấm mặt ngoài, trát trong nhà; tầng hầm, tầng 1, tầng 2, tầng . Trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **10% giá trị của hợp đồng** tương ứng.....(Bằng chữ:)
- Đợt 8:** Sau khi Bên B thi công hoàn thành phần trát trong tầng 4, tầng 5, tầng 6 và tầng tum. Trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **5% giá trị của hợp đồng** tương ứng(Bằng chữ:)
- Đợt 9:** Sau khi Bên B thi công hoàn thành phần hoàn thiện lát nền, ốp lát nhà vệ sinh của các tầng và các công việc khác theo hợp đồng. Trong vòng 03 ngày từ khi Bên A nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **18% giá trị của hợp đồng** tương đương.....(Bằng chữ:)

7.2. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - Đề nghị thanh toán.
 - Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành về khối lượng đã thi công.
 - Bảng giá trị khối lượng công việc phát sinh và hồ sơ liên quan được Chủ đầu tư phê duyệt (nếu có).
- Hồ sơ quyết toán bao gồm:
 - Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình được Chủ đầu tư phê duyệt.
 - Bảng quyết toán giá trị thi công được Bên A phê duyệt.
 - Bảo lãnh bảo hành (trường hợp Bên B không cung cấp "chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình", Bên A sẽ giữ lại 2% tổng giá trị quyết toán cho đến hết thời hạn bảo hành).

7.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

7.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

7.5. Thời gian thanh toán: Trong vòng **03 ngày** kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán như **điều 7.2.**

ĐIỀU 8. BẢO HIỂM

Bên B phải tự mua bảo hiểm tài sản thuộc trách nhiệm quản lý của mình bao gồm: Các công trình tạm, thiết bị thi công, vật tư, bảo hiểm tai nạn cho người lao động, bảo hiểm trách nhiệm nhân sự đối với người thứ ba, trong suốt quá trình thi công công trình. Việc bảo hiểm tuân theo quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 9. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 9.1.** Nếu có bất kỳ tranh chấp nào giữa Bên A và Bên B liên quan đến các hợp đồng thì vấn đề tranh chấp phải làm thành văn bản và thông báo cho nhau để cùng xem xét thương thảo bàn bạc tháo gỡ và thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và đảm bảo chất lượng công trình.
- 9.2.** Tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu không tự hoà giải được, hai bên thống nhất đưa ra trọng tài hoặc toà án Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của Pháp luật hiện hành. Mọi chi phí do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1.** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, dịch bệnh, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- 10.2.** Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
 - Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng **07 (bảy) ngày** sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 11. TẠM DỪNG VÀ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG

11.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng trong các trường hợp

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.
- Một bên có quyền tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên còn lại bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết, trường hợp bên tạm ngưng không thông báo mà tạm dừng xây dựng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.
- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

11.2. Hủy bỏ hợp đồng

- Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.
- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU 12. BỒI THƯỜNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 12.1.** Bên nào có lỗi dẫn đến việc hủy bỏ hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại trên thực tế xảy ra và bị phạt do vi phạm hợp đồng số tiền **12% trên tổng giá trị hợp đồng**.
- 12.2.** Nếu nhà thầu vi phạm về mặt chất lượng, số lượng cấu kiện của công trình thì nhà thầu thực hiện lại cho đúng, cho đủ số lượng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế dự kiến được quyết.
- 12.3.** Nếu tiến độ thi công chậm hơn so với hợp đồng nhà thầu sẽ bị phạt.
- Chậm dưới 15 ngày: Bị phạt 0,5% giá trị hợp đồng vi phạm.

- Chậm từ 15 ngày đến 30 ngày: Bị phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm.
- Chậm trên 30 ngày: Cứ 10 ngày tiếp theo thì tính mức vi phạm tăng lên 0,25% giá trị hợp đồng vi phạm.
- Tổng giá trị phạt tối đa 12% giá trị hợp đồng vi phạm.

ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- 13.1.** Nhận và quản lý mặt bằng xây dựng do Bên A giao.
- 13.2.** Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý, năng lực để thực hiện nội dung công việc trong hợp đồng cho các đơn vị quản lý khi cần thiết.
- 13.3.** Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán theo khối lượng công việc đã hoàn thành sau khi được đại diện Bên A nghiệm thu như đã nêu ở **điều 7.1**.
- 13.4.** Nhận thanh toán từ Bên A theo đúng tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng. Có quyền đề xuất sửa đổi thiết kế (nếu Bên A có thiết kế riêng) cho phù hợp với thực tế để đảm bảo chất lượng, hiệu quả sử dụng của công trình và phải được sự đồng ý chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 13.5.** Bảo đảm công trình được che chắn, không làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề và hộ dân xung quanh.
- 13.6.** Chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, an toàn lao động (cam kết đảm bảo an toàn đối với công trình liền kề, đối với con người và trang thiết bị), phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trên phạm vi công trình và khu vực lân cận thuộc trách nhiệm của đơn vị thi công.
- 13.7.** Đảm bảo thi công công trình theo đúng tiến độ, đúng chất lượng, kỹ - mỹ thuật trong hồ sơ thiết kế mà Chủ đầu tư giao, trong trường hợp có những thay đổi so với hồ sơ thiết kế ban đầu thì Bên B chỉ được phép tiến hành khi Chủ đầu tư đã xác nhận vào nhật ký công trình hoặc có văn bản yêu cầu.
- 13.8.** Lập kho bãi bảo quản vật tư công trình.
- 13.9.** Cung cấp vật tư đúng, đủ khối lượng và chất lượng theo thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 13.10.** Chịu chi phí điện, nước trong quá trình thi công.
- 13.11.** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác nghiệm thu, thông báo cho Bên A nghiệm thu các phần công việc che khuất trước 24 giờ trước khi bị che khuất, đồng thời thông báo các nội dung cần đề xuất, xử lý bằng văn bản.
- 13.12.** Lập dự toán bổ sung (nếu có) trình Bên A kịp thời.
- 13.13.** Chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cũng như giải quyết hậu quả xảy ra, nếu thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế. Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác do lỗi Bên B.
- 13.14.** Bên B chịu trách nhiệm phần đúng phép khi thanh tra xây dựng, chính quyền địa phương xuống kiểm tra công trình. Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến vấn đề đúng phép Bên B chịu.
- 13.15.** Bên B không chịu trách nhiệm phần sai phép khi thanh tra xây dựng, chính quyền địa phương xuống kiểm tra công trình. Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến vấn đề sai phép Bên A chịu.

ĐIỀU 14. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 14.1.** Bàn giao mặt bằng tim mốc cho Bên B.
- 14.2.** Ký xác nhận bản vẽ với Bên A.
- 14.3.** Bàn giao hồ sơ thiết kế được duyệt, và các hồ sơ có liên quan cho Bên B.
- 14.4.** Thông báo kịp thời những thay đổi so với thiết kế ban đầu và ghi nhận những phát sinh (tăng hoặc giảm) do thay đổi thiết kế và nhật ký công trình.

- 14.5.** Nếu Bên A có giám sát thì phải đủ năng lực (có chứng chỉ giám sát còn hiệu lực). Quản lý, giám sát trong quá trình thi công để bảo đảm việc thi công thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt cũng như các yêu cầu về chất lượng, kỹ - mỹ thuật theo quy định. Nếu phát hiện sai sót của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- 14.6.** Bên A và giám sát của Bên A kịp thời thực hiện các công việc nghiệm thu, phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc trên công trình. Mọi quyết định của các cán bộ giám sát được ghi vào nhật ký công trình làm việc với Chủ đầu tư. Chậm nhất là 03 ngày sau khi Bên B thông báo, Bên A phải bố trí người để nghiệm thu, sự chậm trễ này sẽ không tính vào tiến độ thi công trong hợp đồng.
- 14.7.** Đảm bảo nguồn điện, nước cho Bên B trong quá trình thi công.
- 14.8.** Chịu chi phí điện, nước trong quá trình thi công các hạng mục hoàn thiện do đơn vị khác thi công.
- 14.9.** Chịu trách nhiệm về sai khác giữa giấy phép và hồ sơ thiết kế.
- 14.10.** Cung cấp đầy đủ và kịp thời vật tư, thiết bị hoàn thiện thuộc trách nhiệm của Bên A (vd: thầu phụ Bên A kêu vào, thiết bị Bên A cung cấp...) theo yêu cầu của Bên B, nếu Bên A cung cấp trễ hạn thì tiến độ sẽ trừ những ngày trễ đó.
- 14.11.** Tổ chức nghiệm thu (kỹ thuật, giai đoạn ...) thanh lý hợp đồng theo đúng chế độ hiện hành.
- 14.12.** Khi công trình xảy ra tranh chấp đất với hàng xóm, hoặc công trình bị đình chỉ thi công bởi chính quyền do lỗi Bên A, thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 14.13.** Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên B trong khoản thời gian 03 ngày làm việc. Nếu trong khoản thời gian này Bên A không có ý kiến thì coi như Bên A đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên B.
- 14.14.** Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B so với thời hạn thanh toán thì sẽ phải trả lãi suất quá hạn của ngân hàng **2%/tháng/tổng giá trị tiền thanh toán chậm**, tuy nhiên tổng số tiền tối đa 12% tổng giá trị hợp đồng và Bên B có quyền ngừng thi công nếu Bên A chậm thanh toán trong vòng **07 (bảy) ngày** kể từ ngày nhận đề nghị thanh toán của Bên B.
- 14.15.** Chủ động bố trí vốn cho công trình, đảm bảo thanh toán kịp thời cho khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán. Thanh toán cho Bên B theo **Điều 7**.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 15.1.** Các tài liệu sau là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt
 - Khối lượng và giá trị báo giá
 - Các văn bản, phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) được hai bên thống nhất.
- 15.2.** Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung ghi trong hợp đồng này. Những điều kiện và điều khoản không ghi trong hợp đồng này được hai bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 15.3.** Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- 15.4.** Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- 15.5.** Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, được đánh số thứ tự từ 1 cho đến trang 10, có đóng dấu giáp lai. Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản.
- 15.6.** Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám Đốc

Đàm Kiến Thịnh